

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 21/01/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, chia
tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Khuru Đê Dành;
2. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn; chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2020/HNGĐ-ST ngày 14/05/2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 30/2021/QĐ-SCBSBA ngày 13/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2021, Thông báo dời phiên tòa số 120/TB-TA ngày 12/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 118/2021/TB-TA ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn Bé S, sinh năm 1970; cư trú: Số 890, đường THĐ, tổ 31, khóm BK 2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang, nay thường trú tại địa chỉ: Số 586, tổ 29, khóm BT 2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Văn Bé S: Luật sư Lê Lâm Thanh – Công ty luật NHH-MTV Lâm Thanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: số 16, đường LTK, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hà Thị Th, sinh năm 1968; cư trú: Số 890, đường THĐ, tổ 31, khóm BK 2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đặng Hà Sa, sinh năm 1988; cư trú: Số 890, đường THĐ, tổ 31, khóm BK 2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

3.2. Anh Đặng Hà T, sinh năm 1993; cư trú: Số 890, đường THĐ, tổ 31, khóm BK 2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Hà Thị Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Hà S, anh Đặng Hà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/9/2019; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/4/2020, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đặng Văn Bé S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông và bà Thu tự nguyện tìm hiểu đến năm 1986 thì tổ chức đám cưới. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX vào ngày 18/6/2001 (theo bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 105/KH.2001, quyển số 02 ngày 18/6/2001 của Ủy ban nhân dân phường BK cấp cho ông S và bà Thu). Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài nhiều năm, năm 2006 bà Thu đã có những lời lẽ nhục mạ, chửi bới ông trước mặt em vợ và các con. Do không chịu được cuộc sống hôn nhân với bà Thu nên năm 2019 ông nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố LX, nhưng khi Tòa án mời hai bên đến và động viên đoàn tụ, nên ông rút đơn, nhưng rồi cuộc sống hôn nhân vẫn tiếp tục có nhiều mâu thuẫn, bà Th nhiều lần có hành vi bạo lực đánh ông, sự việc bà Th đánh ông cũng đã được ông tường trình gửi đến Công an phường BK, Ủy ban nhân dân phường BK, Văn phòng khóm BK 2, thậm chí bà Th còn đánh ông gây đa chấn thương, chấn thương đầu, vết thương 4 ngón chân trái phải nhập viện ngày 24/9/2019 (giấy chứng nhận thương tích số 375/2019 ngày 24/9/2019 đã cung cấp cho Tòa án), ông và bà Th đã không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc. Do đó, ông yêu cầu được ly hôn với bà Thu.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Đặng Hà Sa, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1988; Đặng Hà T, sinh ngày 22/9/1993. Hiện nay anh Sa và anh T đã trưởng thành là viên chức, có khả năng lao động.

- Về tài sản chung:

Đối với nhà và đất:

1. Một căn nhà gắn liền với đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03576mA ngày 05/6/2007 có diện tích 84,90m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Đất này là đất cây lâu năm, nhà cất trên đất chưa hợp thức hóa quyền sở hữu nhà. Giá trị đất là 13.414.200 đồng, giá trị nhà là 178.983.285 đồng, mái che 12.346.750 đồng. Tổng giá trị 191.330.035 đồng. (191.330.035 đồng/2 = 95.665.000 đồng). Ông S yêu cầu nhận nhà đất này.

2. Một căn nhà gắn liền với đất có diện tích 36,10m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS12657 ngày 26/8/2019 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Đất này là đất ODT, nhà cất trên đất chưa hợp thức hóa quyền sở hữu nhà. Giá trị đất là 238.260.000 đồng, giá trị nhà là 121.304.885 đồng. Tổng giá trị 359.564.885 đồng. (359.564.885 đồng/2 = 179.782.400 đồng). Ông S yêu cầu được nhận nhà đất này.

3. Một căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 612B/31, THĐ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02229/QSDĐ/AK ngày 07/8/2003, diện tích 84,70m² mang tên Đặng Văn Bé S. Nhà này đã được hợp thức hóa và được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001111591 do UBND thành phố LX cấp ngày 13/12/2004 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Giá trị đất là 931.700.000 đồng, giá trị nhà là 133.647.100 đồng. Tổng giá trị 1.065.347.100 đồng. (1.065.347.100 đồng/2 = 532.673.550 đồng). Bà Th quản lý sử dụng nhà đất này, ông đồng ý giao nhà đất cho bà Th sử dụng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông không yêu cầu bà Th hoàn lại cho ông phần giá trị chênh lệch của tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng.

4. 08 xe mô tô: Ông S rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia đối với 08 xe mô tô gồm: Một chiếc xe hiệu Exciter, biển số 67.B1-79446 do Đặng Hà Sa đứng tên; Một chiếc xe hiệu Vario, biển số 67.B2-18503 do Đặng Hà T đứng tên; Một chiếc xe hiệu Wave RSX, biển số 67.B1-86927 do Đặng Hà T đứng tên; Một chiếc xe hiệu Air Blaze, biển số 67.B1-6607 do Đặng Văn Bé S đứng tên; Một chiếc xe hiệu Wave RSX, biển số 67.B1-23328 do Đặng Hà T đứng tên; Một chiếc xe hiệu SH, biển số 67.B1-54062 do Đặng Hà Sa đứng tên; Một chiếc xe hiệu Air Blaze, biển số 67.B1-10007 do Đặng Văn Bé S đứng tên; Một chiếc xe hiệu Wave, biển số 67.FH-9406 do Hà Thị Th đứng tên.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tự khai ngày 28/4/2020 và trong quá trình tố tụng bà Hà Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S đám cưới vào năm 1986, ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX vào ngày 18/6/2001 (theo bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 105/KH.2001, quyền số 02 ngày 18/6/2001 của Ủy ban nhân dân phường BK cấp cho ông S và bà Thu). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, năm 1993 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông S sa ngã ăn chơi thậm chí đi bỏ vợ và con không về nhà, ông S ra ngoài ăn nhậu

và cá độ đá banh, khi có rượu thì thường xuyên dùng vũ lực đánh đập, hành hạ bà. Ngày 20/4/2019 (âl) bà phát hiện ông S chơi số đề và sử dụng thêm 01 số điện thoại riêng để tự ý ra ngoài ngoại giao và cho tiền góp, bà rất đau lòng trong khi mọi sinh hoạt trong gia đình ông S đều chối bỏ và để cho một mình bà gánh hết trách nhiệm. Ông S là người chồng đầy mâu thuẫn và thủ đoạn với vợ con lẽ ra bà là người xin ly hôn, người yêu cầu chia tài sản nhưng bà vẫn chấp nhận để sống với chồng vì bà vẫn còn thương ông S, tuổi hai vợ chồng đã lớn, đã có sui gia và cháu nội, cả hai cũng rất cần sự chăm sóc cho nhau lúc tuổi già, nên bà không đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung:

1. Một căn nhà gắn liền với đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03576mA ngày 05/6/2007 có diện tích 84,90m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Đất này là đất cây lâu năm, nhà cất trên đất chưa hợp thức hóa quyền sở hữu nhà. Giá trị đất là 13.414.200 đồng, giá trị nhà là 178.983.285 đồng, mái che 12.346.750 đồng. Tổng giá trị 191.330.035 đồng.

2. Một căn nhà gắn liền với đất có diện tích 36,10m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS12657 ngày 26/8/2019 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Đất này là đất ODT, nhà cất trên đất chưa hợp thức hóa quyền sở hữu nhà. Giá trị đất là 238.260.000 đồng, giá trị nhà là 121.304.885 đồng. Tổng giá trị 359.564.885 đồng.

Bà không đồng ý chia tài sản nhà, đất của 02 căn nhà nêu trên như ông S khai và yêu cầu, tuy đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng do bà tạo dựng nên bà không đồng ý chia tài sản 02 nhà đất này.

3. Riêng căn nhà gắn liền với diện tích đất 84,70m² tọa lạc tại số 612B/31, THĐ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02229/QSDĐ/AK ngày 07/8/2003, diện tích 84,70m² mang tên Đặng Văn Bé S. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001111591 do UBND thành phố LX cấp ngày 13/12/2004 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Giá trị đất là 931.700.000 đồng, giá trị nhà là 133.647.100 đồng. Tổng giá trị 1.065.347.100 đồng. Bà không chấp nhận chia tài sản này, vì đây là tài sản của cha mẹ, cũng như anh chị em bà thỏa thuận phân chia tài sản nhà, đất này cho bà, ông S yêu cầu chia tài sản nhà, đất này bà không đồng ý, đối với tài sản 08 xe mô tô (do ông S khai là đúng) ông S rút lại yêu cầu này, không yêu cầu chia tài sản chung 08 xe mô tô nên bà không có ý kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đặng Hà T, anh Đặng Hà Sa (là hai con của ông S, bà Th đã trưởng thành, sống tự lập) trình bày: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung của cha là ông Đặng Văn Bé S, do mẹ là bà Hà Thị Th còn thương cha, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2020/HNGĐ-ST ngày 14/5/2021 và Quyết định sửa chữa, bổ xung bản án sơ thẩm số 30/2021/QĐ-

SCBXBA ngày 13/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX; Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 19; Điều 33; Điều 59; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Quyết định:

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Bé S về yêu cầu ly hôn. Ông Đặng Văn Bé S được ly hôn với bà Hà Thị Thu.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105/KH.2001, quyển số 02 ngày 18/6/2001 do UBND phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

[2] Về tài sản chung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Bé S về yêu cầu chia tài sản chung:

Ông Đặng Văn Bé S được quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với các tài sản:

1. Một căn nhà gắn liền với diện tích 84,70m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03576mA ngày 05/6/2007 có diện tích 84,70m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng trị giá nhà đất là 191.330.035 đồng.

2. Một căn nhà gắn liền với đất có diện tích 36,10m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS12657 ngày 26/8/2019 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng trị giá nhà đất là 359.564.885 đồng.

Bà Hà Thị Th được quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với các tài sản:

1. Một căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 612B/31, THĐ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02229/QSDĐ/AK ngày 07/8/2003, diện tích 84,70m² mang tên Đặng Văn Bé S. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001111591 do UBND thành phố LX cấp ngày 13/12/2004 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng giá trị nhà đất là 1.065.347.100 đồng.

[2.2] Ông Đặng Văn Bé S và bà Hà Thị Th được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

[2.3] Đình chỉ đối việc ông S rút lại yêu cầu chia tài sản chung là 08 xe mô tô.

[3] Về nợ chung: Tòa án không giải quyết.

[4] Về quan hệ con chung: Có 02 (hai) con chung tên Đặng Hà Sa, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1988; Đặng Hà T, sinh ngày 22/9/1993. Hiện nay anh Sa và anh T đã trưởng thành, có khả năng lao động.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông S tự nguyện nộp 8.850.900 đồng và đã nộp đủ.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Ông S có trách nhiệm nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và 26.035.797 án phí đối với giá trị tài sản được nhận, được khấu trừ vào 19.575.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai Th số 0005531 ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX. Ông S phải nộp bổ sung 6.760.797 đồng.

Bà Th có trách nhiệm nộp 43.960.413 đồng án phí đối với giá trị tài sản được nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/5/2021, bị đơn bà Th kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm những nội dung sau: Chưa nhận được bản án sơ thẩm, còn thương chồng muốn đoàn tụ, không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của ông S.

Ngày 18/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Hà Sa, anh Đặng Hà T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm những nội dung sau: Chưa nhận được bản án sơ thẩm, không đồng ý việc cha mẹ (S, Thu) ly hôn, vì mẹ còn thương cha, muốn cha mẹ đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Th phát biểu tranh luận, cho rằng tuy vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng bà vẫn còn tình cảm với ông S nên yêu cầu đoàn tụ, tại tòa phúc thẩm ông S không đồng ý đoàn tụ, bà Th tự nguyện xin rút yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ với ông S, bà Th thống nhất kết quả định giá tài sản chung do Tòa sơ thẩm xác định khi xét xử, không yêu cầu định giá lại, không ý kiến về phần chi phí tố tụng, án phí

sơ thẩm, về tài sản chung bà yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết theo pháp luật, ngoài ra không ý kiến, yêu cầu gì khác.

Anh Sa, anh T (con ông S, bà Thu) cho rằng tuy cha mẹ anh có mâu thuẫn, nhưng bà Th vẫn còn tình cảm với ông S, nên yêu cầu cả hai đoàn tụ, nếu ông S cương quyết ly hôn, yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết vụ án theo pháp luật. Theo đó anh Sa, anh T cùng xác định không có đóng góp về tài chính để hình thành khối tài sản chung của cha, mẹ (Th, S) đang tranh chấp chia tài sản chung trong vụ án này, nhưng có nhu cầu sử dụng (vì Sa có gia đình, có con nên có nhu cầu chỗ ở riêng, không muốn ở chung với mẹ Thu), nên đề nghị cha là ông S cho lại hai anh em căn nhà gắn liền diện tích 84,90m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Th, nếu ông S không đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật, ngoài ra không ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ông S phát biểu tranh luận với bà Th, anh Sa, anh T; ông cho rằng vợ chồng không thể đoàn tụ, tình cảm thực sự đã chấm dứt, vợ con ông từng hành hung ông, nên không thể chung sống lại, ông không đồng ý nội dung ý kiến, yêu cầu của anh Sa, anh T và bà Th, ông đồng ý theo nội dung án sơ thẩm.

Bà Lê Lâm Thanh, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông S phát biểu tranh luận: Thực tế cho thấy mục đích hôn nhân của ông S, bà Th không còn, bởi năm 2019 ông S đã có đơn xin ly hôn nhưng được sự động viên của Tòa án ông đã rút đơn xin ly hôn, nhưng ngay sau đó quan hệ vợ chồng càng mâu thuẫn nghiêm trọng hơn, vì bà Th lại hành hung ông đến mức phải nhập viện điều trị (bệnh án, giấy chứng nhận thương tích đã cung cấp cho Tòa án) sau đó cả hai lại tiếp tục ly thân. Anh Sa, anh T với vai trò là con chỉ động viên cha mẹ chớ không có quyền can thiệp vào hôn nhân của ông S, bà Th (vì ông S cương quyết ly hôn), nên Tòa sơ thẩm xử cho ông S được ly hôn với bà Th là đúng pháp luật, về tài sản chung ông S được chia 02 căn nhà trong hẻm tổng trị giá chung là 550.895.920 đồng, bà Th được chia căn nhà, đất tại trục đường chính đường giao thông trị giá theo kết quả định giá 1.065.377.100 đồng, nhưng giá trị thực tế theo giá thị trường thì nhà, đất này trên 4 tỷ đồng, nhưng ông S không yêu cầu định giá lại theo giá thị trường để chia tài sản chung là có lợi rất nhiều cho bà Th, tại Tòa phúc thẩm bà Th, anh Sa, anh T không có chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, hơn nữa những yêu cầu của bà Th, anh Sa và anh T không được ông S đồng ý, nên đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp kháng cáo của bà Th, anh Sa và anh T, y án sơ thẩm. Ông S thống nhất quan điểm tranh luận đề xuất của Luật sư, ông không ý kiến bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo các quy định tại Điều 70, 71, 72, 86, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Trên cơ sở phân tích tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ, kết quả tranh luận tại phiên tòa đối chiếu với quy định pháp luật, nhận thấy: nội dung án sơ thẩm xử là có căn cứ, các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, nên không có căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Th, anh Sa, anh T. Riêng bà Th tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ với ông S nên đề nghị Tòa phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của bà Th, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bà Th, anh Sa, anh T và y án sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Đề nghị Tòa phúc thẩm buộc các đương sự Th, Sa và T chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sa, anh T trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tòa sơ thẩm xác định giá trị tài sản chung nhà, đất của ông S, bà Th là 1.616.242.020 đồng (biên bản định giá tài sản ngày 31/12/2020) để xét xử và chia tài chung cho các đương sự, tại Tòa phúc thẩm ông S, bà Th thống nhất kết quả định giá tài sản 31/12/2020, các đương sự không yêu cầu định giá lại tài sản nhà đất, đây là ý kiến tự nguyện của các đương sự, nên Tòa phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm do pháp luật tố tụng quy định.

[1.3] Tòa án nhân dân thành phố LX xét xử vụ án xin ly hôn, chia tài sản chung giữa ông S với bà Th vào ngày 14/05/2021, nhưng bản án phát hành lại ghi số 103/2020/HNGĐ-ST ngày 14/05/2021 (bản án gốc tại hồ sơ là bản án số 103/2021/HNGĐ-ST ngày 14/05/2021) là lỗi kỹ thuật, ghi nhầm năm 2020 phía sau số bản án phát hành (nhưng đúng ngày 14 tháng 05 năm 2021, ngày xét xử sơ thẩm), ghi đúng phải là năm 2021, nên Tòa sơ thẩm ban hành Quyết định số 30/2021/QĐ-SCBXBA ngày 13/6/2021 sửa chữa lại năm 2020 thành năm 2021 sau số bản bản cho đúng với bản án gốc (bản án gốc số 103/2021/HNGĐ-ST ngày 14/05/2021) tại hồ sơ vụ án là phù hợp với tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo ngày 18/5/2021 của bà Hà Thị Th, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2] Bà Th kháng cáo cho rằng chưa nhận được bản án sơ thẩm, thì thấy: Tòa sơ thẩm xét xử vụ án của bà vào ngày 14/05/2021, theo quy định tại khoản 2 Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thời hạn giao bản án cho bà là 10 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/5/2021 bà đã thực hiện quyền kháng cáo (chưa quá thời hạn giao bản án sơ thẩm cho bà), nên Tòa sơ thẩm không vi phạm tố tụng,

quyền kháng cáo của bà vẫn được đảm bảo theo pháp luật vì bà đã thực hiện quyền kháng cáo trong hạn luật định, Tòa phúc thẩm đang xét xử các yêu cầu kháng cáo của bà, do đó việc bà kháng cáo cho rằng chưa được bản án sơ thẩm không có căn cứ để xem xét.

[2.3] Bà Th kháng cáo cho rằng còn thương chồng, yêu cầu cầu đoàn tụ, tại phiên Tòa phúc thẩm ông S không đồng ý, bà Th không đưa ra được giải pháp đoàn tụ để duy trì cuộc sống chung.

Ông S, bà Th tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 1986 (làm thủ tục kết hôn theo quy định năm 2001), quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về cuộc sống chung kéo dài. Năm 2006 bà Th dùng lời lẽ thiếu chuẩn mực xúc phạm ông S trước mặt con chung và em ruột bà, cuộc sống hôn nhân ngày càng bất đồng về quan điểm sống cứ thế kéo dài. Năm 2019 ông S gửi đơn xin ly hôn (ngày 7/8/2019 - theo phiếu nhận đơn của Tòa án số 1192), nhưng được Tòa án động viên nên ông S rút đơn, tưởng chừng hôn nhân được duy trì, nhưng ngay sau đó vào ngày 24/9/2019 bà Th đã trực tiếp gây thương tích nhiều nơi trên cơ thể ông S như đa chấn thương, chấn thương vùng đầu, sung bầm mắt trái, sung thái dương trái, xây xát gối trái, chấn thương 04 ngón chân trái. Ông S phải nhập viện điều trị (giấy chứng nhận thương tích số 375/2016 ngày 24/9/2019-BL31 kết luận), từ đây cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông S, bà Th không còn, khó duy trì lại cuộc sống chung, nên Tòa sơ thẩm xử cho ông S ly hôn với bà Th là có căn cứ. Tại tòa phúc thẩm bà Th tự nguyện rút phần kháng cáo yêu cầu đoàn tụ với ông S. Do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu xin đoàn tụ của bà Th với ông S là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Bà Th kháng cáo không đồng ý chia tài sản chung, yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm.

Giữa ông S và bà Th tự nguyện chung sống với nhau năm 1986, đăng ký kết hôn năm 2001 theo quy định pháp luật, nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình, cả hai có hai con chung Đặng Hà Sa sinh năm 1988 (đã có gia đình), Đặng Hà T đã trưởng thành, tự lập có khả năng lao động, ông S, bà Th cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân cả hai tạo dựng được tài sản chung gồm:

1. Một căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03576mA ngày 05/6/2007 có diện tích 84,90m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng trị giá nhà đất là 191.330.035 đồng (gọi tắt nhà, đất số 1).

2. Một căn nhà gắn liền với đất có diện tích 36,10m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS12657 ngày 26/8/2019 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng trị giá nhà đất là 359.564.885 đồng (gọi tắt nhà, đất số 2).

3. Một căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 612B/31, THĐ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

02229/QSDĐ/AK ngày 07/8/2003, diện tích 84,70m² mang tên Đặng Văn Bé S và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001111591 do UBND thành phố LX cấp ngày 13/12/2004 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng giá trị nhà đất là 1.065.347.100 đồng (gọi tắt nhà, đất số 3).

Tổng giá trị tài sản nhà đất của 03 căn nhà và đất là: 1.065.347.100 đồng + 191.330.035 đồng + 359.564.885 đồng = 1.616.242.020 đồng (theo kết quả định giá tài sản nhà, đất ngày 31/12/2020, BL108,109,110), Tòa sơ thẩm xác định giá trị tài sản chung của ông S, bà Th 1.616.242.020 đồng, đây là căn cứ để xem xét, xử chia tài sản chung cho các đương sự là đúng quy định.

4. 08 xe mô tô: Một chiếc xe hiệu Exciter, biển số 67.B1-79446 do Đặng Hà Sa đứng tên; Một chiếc xe hiệu Vario, biển số 67.B2-18503 do Đặng Hà T đứng tên; Một chiếc xe hiệu Wave RSX, biển số 67.B1-86927 do Đặng Hà T đứng tên; Một chiếc xe hiệu Air Blaze, biển số 67.B1-6607 do Đặng Văn Bé S đứng tên; Một chiếc xe hiệu Wave RSX, biển số 67.B1-23328 do Đặng Hà T đứng tên; Một chiếc xe hiệu SH, biển số 67.B1-54062 do Đặng Hà Sa đứng tên; Một chiếc xe hiệu Air Blaze, biển số 67.B1-10007 do Đặng Văn Bé S đứng tên; Một chiếc xe hiệu Wave, biển số 67.FH-9406 do Hà Thị Th đứng tên. Tại Tòa sơ thẩm ông S rút lại yêu cầu, không yêu cầu chia tài sản 08 xe mô tô, Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu này của ông S. Ông S, bà Th không có ý kiến gì khác đối với tài sản 08 xe mô tô tại phiên tòa phúc thẩm, nên Tòa phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Ông S yêu cầu nhận 02 căn nhà và đất (1. Căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03576mA ngày 05/6/2007 có diện tích 84,90m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu, trị giá nhà đất là 191.330.035 đồng; 2. Căn nhà gắn liền với đất có diện tích 36,10m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS12657 ngày 26/8/2019 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Th trị giá nhà đất là 359.564.885 đồng, nhà đất tọa lạc tại phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang, tổng giá trị chung 550.894.920 đồng), không yêu cầu chia tài sản chung 08 xe mô tô (Tòa án đã đình chỉ yêu cầu này của ông S), riêng đối với tài sản nhà, đất (nhà, đất thứ số 3) gắn liền với đất diện tích 84,70m² tọa lạc tại số 612B/31, đường THĐ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang, UBND thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02229/QSDĐ/AK ngày 07/8/2003, diện tích 84,70m² cho Đặng Văn Bé S đứng tên và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001111591 do UBND thành phố LX cấp ngày 13/12/2004 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Th giá trị nhà đất này 1.065.347.100 đồng, hiện bà Th quản lý sử dụng, ông đồng ý để bà Th tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất này, ông không yêu cầu bà Th hoàn chênh lệch giá trị tài sản chung. Bà Th không đồng ý chia tài sản chung đối với 03 tài sản là nhà, đất nêu trên như ông S yêu cầu.

Xét thấy, tài sản nhà, đất (toàn bộ tài sản là 03 nhà, đất đã nêu phần trên) bà Th ông S thừa nhận tạo dựng và hình thành trong thời kỳ hôn nhân, được cơ

quan nhà nước có thẩm quyền cấp QSD đất, QSH nhà ở chung cho ông S, bà Th nhưng bà Th cho rằng do bà tự tạo lập được tài sản nhà, đất của 02 tài sản gồm: (1. Một căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03576mA ngày 05/6/2007 có diện tích 84,90m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng trị giá nhà đất là 191.330.035 đồng; 2. Một căn nhà gắn liền với đất có diện tích 36,10m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS12657 ngày 26/8/2019 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng trị giá nhà đất là 359.564.885 đồng); Riêng căn nhà thứ 3 là (căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 612B/31, THĐ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02229/QSDĐ/AK ngày 07/8/2003, diện tích 84,70m² mang tên Đặng Văn Bé S và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001111591 do UBND thành phố LX cấp ngày 13/12/2004 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Th tổng giá trị nhà, đất này trị giá là 1.065.347.100 đồng) bà Th cho rằng đây là tài sản của cha mẹ, cũng như anh chị em bà thỏa thuận phân chia tài sản nhà, đất này cho bà, ý kiến này của bà Th không được ông S chấp nhận, ông S xác định tài sản do vợ chồng tạo lập và cha, mẹ bên vợ cho ông với bà Th phía bà Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh tài sản nhà, đất của 02 căn nhà đất nêu trên gọi tắt (nhà đất số 1, nhà đất số 2) tổng trị giá là 550.894.920 đồng là tài sản của riêng của bà, nên không có căn cứ xác định tài sản nhà đất của 02 nhà đất nêu trên (nhà đất số 1, nhà đất số 2) là tài sản riêng của bà Th riêng nhà đất thứ 3 (gọi tắt nhà, đất số 3) căn nhà gắn liền diện tích 84,70m² mang tên Đặng Văn Bé S và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001111591 do UBND thành phố LX cấp ngày 13/12/2004 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. (tổng giá trị nhà, đất này là 1.065.347.100 đồng) bà Th cho rằng đây là tài sản riêng của bà, vì nhà, đất này có nguồn gốc của cha mẹ, anh em của bà cho bà, nhưng trong thực tế bà đã tự nguyện xác nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng, điều này được chứng minh rõ khi UBND thành phố LX cấp QSD đất, QSH nhà ở đối với tài sản nhà, đất này cho ông S với bà cùng đứng tên vào năm 2004, bà Th không phản đối, không tranh chấp, không yêu cầu ông S xác lập văn bản chứng thực tài sản nhà, đất (gọi tắt nhà đất số 3) này là của riêng bà, ông S phản đối ý kiến này của bà Th bà Th không có chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ xác định tài sản nhà đất (gọi tắt nhà, đất số 3) là tài sản riêng của bà Th khi giải quyết chia tài sản chung Tòa sơ thẩm xác định tài sản chung của ông S bà Th là 03 nhà, đất nêu trên để xem xét giao nhà, đất (gọi tắt nhà đất số 1; nhà đất số 2) cho ông S trị giá 550.894.920 đồng và giao căn nhà, gắn liền diện tích 84,70m² (gọi tắt nhà, đất số 3) trị giá 1.065.347.100 đồng cho bà Th tiếp tục quản lý sử dụng (giá trị tài sản chung bà Th được chia cao hơn nhiều so với ông S được chia theo quyết định án sơ thẩm) quyền lợi bà Th được bảo đảm và phù hợp với pháp luật, bởi thực tế nhà, đất này nằm vị trí trục đường chính đường THĐ (thuộc Quốc lộ 91 tuyến LX - Châu Đốc) giá trị thực tế theo giá thị trường hiện nay đối với nhà đất này (gọi tắt nhà, đất số 3) là rất cao, chứ không như giá định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự tại thành phố LX vào 31/12/2020 (do các đương sự không yêu cầu định giá lại tài sản nhà, đất này), bà Th thừa biết

giá thị trường, giá trị thực tế của nhà đất này, nhưng ông S không yêu cầu định giá lại theo giá thị trường đối với nhà đất này (gọi tắt nhà, đất số 3) để chia tài sản chung là có lợi cho bà Thu. Do đó, Tòa sơ thẩm xác định toàn bộ tài sản nhà, đất (ba căn nhà gắn liền với các diện tích đất nêu trên, gọi tắt là (nhà đất số 1, nhà đất số 2, nhà đất số 3 như đã viện dẫn phần trên) là tài sản chung của ông S, bà Th và tuyên xử giao cho ông S được quyền sở hữu tài sản nhà, đất: 1. Một căn nhà gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03576mA ngày 05/6/2007 có diện tích 84,90m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Th tổng trị giá nhà đất là 191.330.035 đồng (gọi tắt nhà, đất số 1); 2. Một căn nhà gắn liền với đất có diện tích 36,10m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS12657 ngày 26/8/2019 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Th tổng trị giá nhà đất là 359.564.885 đồng (gọi tắt nhà, đất số 2) tổng trị giá 550.894.920 đồng và giao cho bà Th được quyền sở hữu tài sản nhà, đất của căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 612B/31, THĐ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02229/QSĐĐ/AK ngày 07/8/2003, diện tích 84,70m² mang tên Đặng Văn Bé S và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001111591 do UBND thành phố LX cấp ngày 13/12/2004 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Th tổng giá trị nhà, đất này là 1.065.347.100 đồng (gọi tắt nhà, đất thứ 3) và không buộc bà Th hoàn chênh lệch số tiền 257.226.090 đồng giá trị chia tài sản chung cho ông S và đình chỉ yêu cầu của ông S không yêu cầu chia tài sản chung 08 chiếc xe Mô tô là có lợi cho bà Th và đúng quy định pháp luật, bà Th kháng cáo, nhưng không cung được chứng cứ mới, chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không chấp nhận kháng cáo của bà Th về việc không đồng ý chia tài sản chung cho ông S.

[2.5] Tại tòa phúc thẩm bà Th ông S cùng xác định không có ý kiến gì về kết quả định giá tài sản chung của Tòa sơ thẩm, không yêu cầu định giá lại tài sản chung nhà, đất nêu trên, đồng ý theo giá trị tài sản nhà, đất như bản án sơ thẩm đã xác định khi xét xử, không ý kiến về chi phí tố tụng, án phí do Tòa sơ thẩm tuyên xử, nên Tòa phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo ngày 18/5/2021 của anh Đặng Hà Sa, anh Đặng Hà T (hai con của ông S, bà Thu), căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Anh Sa, anh T (cùng ký đơn) kháng cáo cho rằng chưa nhận được bản án sơ thẩm, thấy rằng, Tòa sơ thẩm xét xử vụ án này vào ngày 14/05/2021, theo quy định tại khoản 2 Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thời hạn giao bản án cho các anh là 10 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/5/2021 hai anh đã kháng cáo (chưa quá thời hạn giao bản án sơ thẩm cho hai anh), nên Tòa sơ thẩm không vi phạm tố tụng, quyền kháng cáo của các anh vẫn được đảm bảo theo pháp luật vì anh Sa, anh T đã thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định, Tòa phúc thẩm đang xét xử yêu cầu kháng cáo của các anh. Do đó việc

các anh kháng cáo cho rằng chưa được bản án sơ thẩm không có căn cứ để xem xét.

[3.2] Anh Sa, anh T (cùng ký đơn) kháng cáo không đồng ý việc cha mẹ ly hôn, mong muốn cha là ông S và mẹ là bà Th đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân là quyền riêng tư của ông S, bà Th không ai được can thiệp vào cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, khi hôn nhân thực sự không còn thì một trong các bên có quyền xin ly hôn, Tòa sẽ xem xét giải quyết yêu cầu đó trên cơ sở pháp luật quy định. Với tư cách là con, anh Sa và anh T (con chung của ông S, bà Thu) có nguyện vọng và mong muốn cha, mẹ đoàn tụ là điều đáng nghi nhận, bởi thực tế trong xã hội hầu hết các con điều hướng đến mục tiêu này, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông S cương quyết ly hôn, bà Th lại không đưa ra được giải pháp thiết thực để đoàn tụ trong quan hệ vợ chồng như đã phân tích, nhận định ở phần trên, bà Th thì tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ với ông S, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Sa, anh T.

[3.3] Theo đó, khi hết thời hạn kháng cáo, ngày 16/7/2021 anh Sa, anh T có đơn trình bày nguyện vọng, đề nghị cha là ông S cho lại hai anh em anh căn nhà gắn liền diện tích có diện tích 84,90m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Th tọa lạc tại phường BK, thành phố LX (đây là nhà, đất Tòa sơ thẩm xử giao cho ông S được QSH nhà và QSD đất). Tại tòa phúc thẩm anh Sa, anh T xác định (do còn nhỏ) nên không có đầu tư tài chính vào việc hình thành khối tài sản sản chung nhà, đất của ông S bà Th theo đó anh Sa, anh T có nêu nguyện vọng yêu cầu xin nhà, đất nêu trên trực tiếp với ông S, nhưng ông S không đồng ý, nên Tòa phúc thẩm không có căn cứ xem xét nguyện vọng này của anh Sa, anh T.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Th anh Sa, anh T kháng cáo không được chấp nhận, nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bà Hà Thị Th yêu cầu được đoàn tụ với ông Đặng Văn Bé S.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị Thu.

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Hà Sa, anh Đặng Hà T.

4. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2020/HNGĐ-ST ngày 14/5/2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 30/2021/QĐ-SCBSBA ngày 13/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 33; Điều 59; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Bé S về yêu cầu ly hôn. Ông Đặng Văn Bé S được ly hôn với bà Hà Thị Thu.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105/KH.2001, quyển số 02 ngày 18/6/2001 do UBND phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

[2] Về tài sản chung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Bé S về yêu cầu chia tài sản chung:

- Ông Đặng Văn Bé S được quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với các tài sản:

1. Một căn nhà gắn liền với đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03576mA ngày 05/6/2007 có diện tích 84,90m² mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng trị giá nhà đất là 191.330.035 đồng.

2. Một căn nhà gắn liền với đất có diện tích 36,10m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS12657 ngày 26/8/2019 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Thu. Tổng trị giá nhà đất là 359.564.885 đồng.

- Bà Hà Thị Th được quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với các tài sản:

1. Một căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 612B/31, THĐ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02229/QSĐĐ/AK ngày 07/8/2003, diện tích 84,70m² mang tên Đặng Văn Bé S. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001111591 do UBND thành phố LX cấp ngày 13/12/2004 mang tên Đặng Văn Bé S, Hà Thị Th. Tổng giá trị nhà đất là 1.065.347.100 đồng.

[2.2] Ông Đặng Văn Bé S và bà Hà Thị Th được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

[2.3] Đình chỉ đối với việc ông S rút lại yêu cầu chia tài sản chung là 08 xe mô tô.

[3] Về nợ chung: Tòa án không giải quyết.

[4] Về quan hệ con chung: Có 02 (hai) con chung tên Đặng Hà Sa, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1988; Đặng Hà T, sinh ngày 22/9/1993. Hiện nay anh Sa và anh T đã trưởng thành, có khả năng lao động.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông S tự nguyện nộp 8.850.900 đồng và đã nộp đủ.

[6] Về án phí sơ thẩm:

- Ông S có trách nhiệm nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và 26.035.797 đồng án phí đối với giá trị tài sản được nhận, được khấu trừ vào 19.575.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai Th số 0005531 ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX. Ông S phải nộp bổ sung 6.760.797 đồng.

- Bà Th có trách nhiệm nộp án 43.960.413 đồng án phí đối với giá trị tài sản được nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Về án phí phúc thẩm:

- Bà Hà Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000438 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, nên không phải nộp án phí phúc thẩm.

- Anh Đặng Hà Sa phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo

biên lai thu số 0000450 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, nên không phải nộp án phí phúc thẩm.

- Anh Đặng Hà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000449 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, nên không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tuấn